

BIỂU MẪU CÔNG KHAI VỀ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Công văn số 551/SGDDĐT-TTr ngày 17/3/2022 của Sở GDĐT)

Biểu mẫu 6.1

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON THÀNH TÔ
Số: 04/QĐ-TMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành Tô, ngày 06 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách và các khoản thu năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON THÀNH TÔ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân quận Hải An về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3686/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND quận Hải An về việc giao dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 cho các phòng, đơn vị, trường học và Ủy ban nhân dân các phường;

*Căn cứ kế hoạch tài chính của thủ trưởng đơn vị trường mầm non Thành Tô;
Theo đề nghị của Kế toán trưởng.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách và các khoản thu năm 2023 của đơn vị trường mầm non Thành Tô (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ Văn phòng, kế toán các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Kim Hương

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ - TMN ngày 06/1/2023 của Hiệu trưởng trường
mầm non Thành Tô)

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (hỗ trợ học phí theo NQ 54/2019)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	255.277.918
1.2	Mức thu	203.000
1.3	Tổng số thu trong năm	475.020.000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	730.297.918
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
1.6	Số chi trong năm	730.297.918
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	383.000.000
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	200.000.000
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	70.0000.000
	- Chi khác	77.297.918
1.7	Số dư cuối năm	0
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN)	203.000
2	Dạy thêm học thêm (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
2.1	Thứ 7	0
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	6.820.948
2.1.2	Mức thu/ngày	50.000
2.1.3	Tổng số thu trong năm	126.000.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	132.820.948
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	126.000.000
2.1.6	Số chi trong năm	132.820.948
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	132.820.948
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	0
	- Chi phúc lợi	0
	- Chi khác:.....	0
2.1.7	Số dư cuối năm	0
2.2	Học Tiếng Anh	
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	4.560.000
2.2.2	Mức thu	160.000
2.2.3	Tổng số thu trong năm	187.200.000
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	191.760.000
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	187.200.000
2.2.6	Số chi trong năm	191.760.000
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	18.720.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, CM	23.280.000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	9.360.000
	- Chi phúc lợi	

¹ Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.



TT	Nội dung	Dự toán
		140.400.000
	- Chi khác: nộp về công ty	0
2.2.7	Số dư cuối năm	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	
3.1	Vận động tài trợ	0
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	146.000.000
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	146.000.000
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
3.1.5	Số chi trong năm	146.000.000
	Trong đó: - Điều hòa, máy tính, máy in	121.000.000
	- Rèm che ngoài trời	25.000.000
3.1.6	Số dư cuối năm	0
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
4.1.	Chăm sóc bán trú (Thêm giờ, hỗ trợ NV, QL, chất đốt)	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	21.148.915
4.1.2	Mức thu	482.000
4.1.3	Tổng số thu trong năm	1.127.880.000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.149.028.915
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	1.127.880.000
4.1.6	Số chi trong năm	1.149.028.915
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	1.270.000.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi chất đốt	124.108.000
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác	3.136.915
4.1.7	Số dư cuối năm	0
5	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
5.1	Thiết bị bán trú	
5.1.1	Số học sinh	220
5.1.2	Mức thu (Hs mới: 360; hs cũ: 200)	
5.1.3	Tổng thu	56.800.000
5.1.4	Đã chi	56.800.000
5.1.5	Dư	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	Chi quản lý hành chính	

TT	Nội dung	Dự toán
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Học phí	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6		
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.857.000.000
	Chi thanh toán cá nhân	2.580.480.000
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	64.520.000
	Chi mua sắm sửa chữa	60.000.000
	Chi khác	152.000.000
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
II	Nguồn viện trợ	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	



TT	Nội dung	Dự toán
1.2	Dự án B	
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	12.242.493
	Mức bình quân (đ/người/năm)	9.854.813
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	8.187.404
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	8.660.095
	Mức bình quân (đ/người/năm)	5.263.158
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	3.821.402
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	550.000
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	2.760.000

NGƯỜI LẬP

(Ký, ghi họ tên)

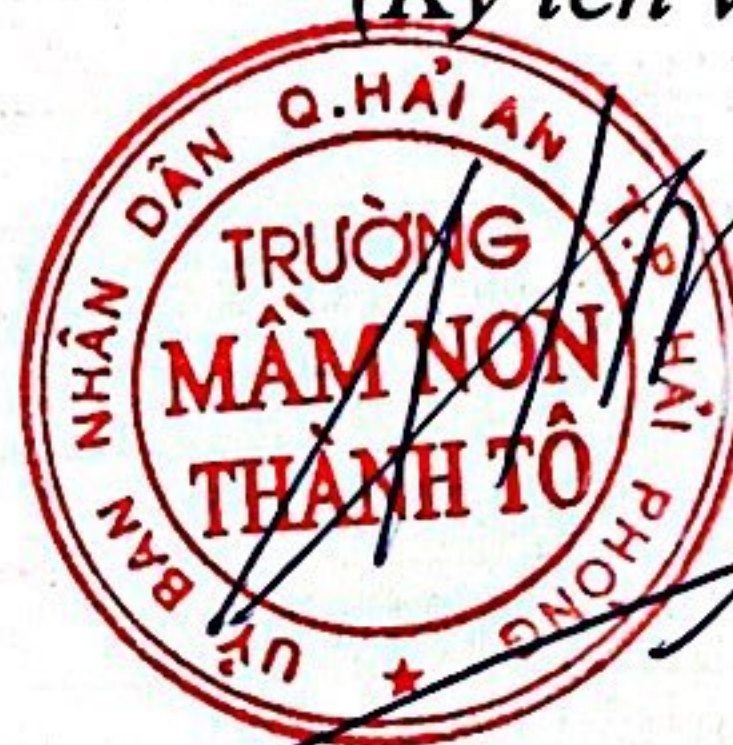
Huỳnh

Nguyễn Thị Huyền

Thành Tô, ngày 06 tháng 1 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Kim Hương

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách và các khoản thu năm 2023 của trường mầm non Thành Tô

I. Thời gian: 8 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 1 năm 2023

II. Địa điểm: Trường mầm non Thành Tô

III. Thành phần:

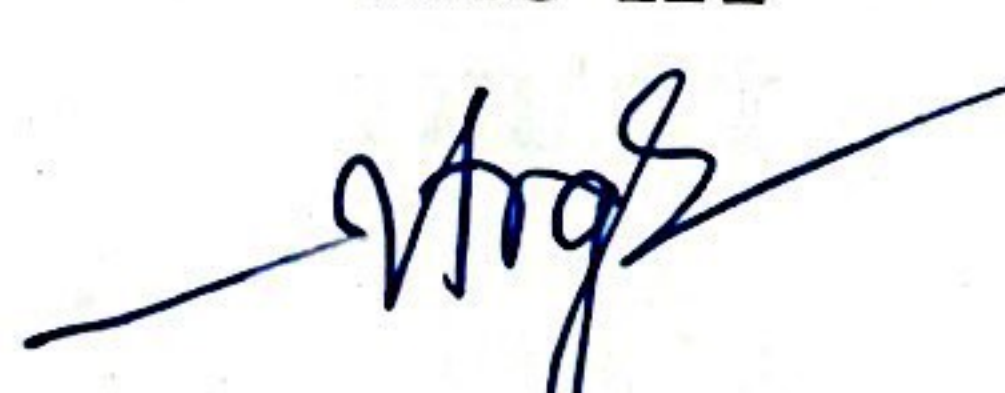
1. Bà: Bùi Thị Kim Hương - Hiệu trưởng
2. Bà: Lê Thùy Vân - Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn
3. Bà: Nguyễn Thị Khánh Ly - Phó hiệu trưởng
4. Bà: Nguyễn Thị Huyền - Kế toán
5. Bà: Vũ Thị Thu Trang - Thư ký
6. Bà: Hoàng Thị Thịnh - Đại diện CMHS trường
7. Bà: Trần Thị Lan - Tổ trưởng
8. Nguyễn Thị Thanh Quỳnh - Tổ trưởng
9. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh - Phó Ban TT nhân dân.

III. Nội dung:

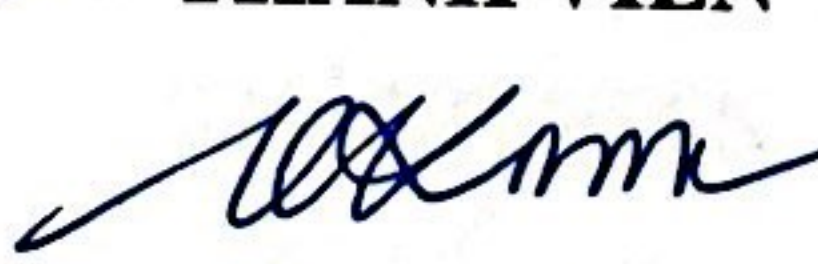
1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về công khai dự toán thu, chi ngân sách và các khoản thu năm 2023 của trường mầm non Thành Tô (kèm theo biểu 6.2).
2. Thời gian niêm yết: từ ngày 06/01/2023 đến ngày 06/4/2023.
3. Địa điểm công khai: Bảng thông báo của Nhà trường. Trang thông tin điện tử của nhà trường.
4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp.

Biên bản được lập xong vào lúc 9 giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.

THƯ KÝ


Vũ Thị Thu Trang

THÀNH VIÊN


Lê Thùy Vân

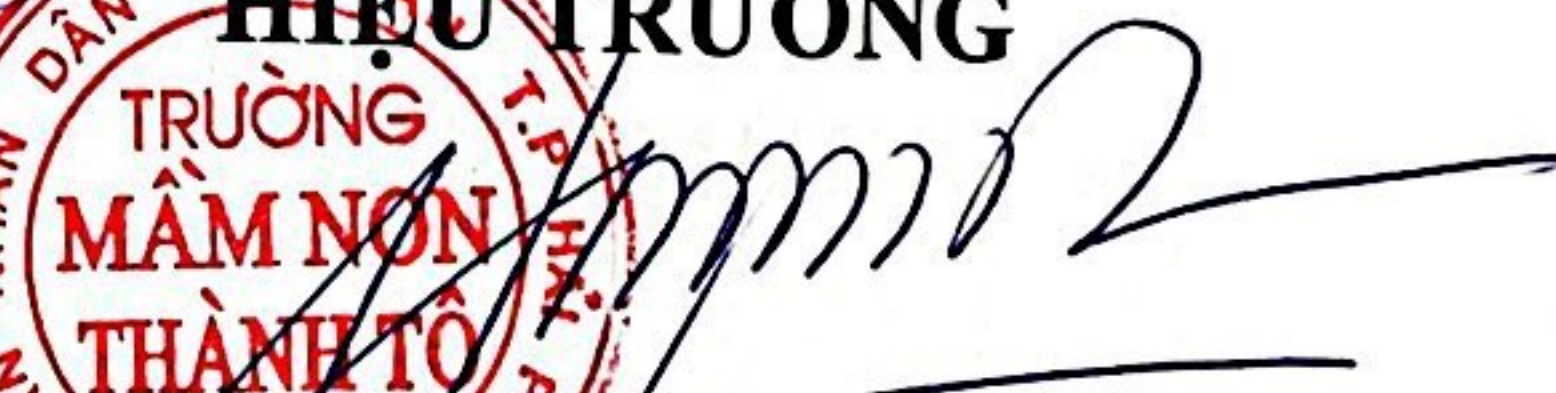

Nguyễn Thị Khánh Ly



Nguyễn Thị Huyền



HIỆU TRƯỞNG


Bùi Thị Kim Hương